

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐOAN HÙNG  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Vũ Thường

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Quang

2. Ông Nguyễn Đình Đại

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê L, sinh năm 1943

Địa chỉ: Số 05, Đ, phường T, quận H, thành phố H

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị B, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu 08, xã N, huyện Đ, tỉnh P

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Lê Ngọc A, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số 05, Đ, phường T, quận H, thành phố H

Bà B có mặt, ông L, chị A có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là ông Lê L trình bày:

Ông và bà Trần Thị B đăng ký kết hôn ngày 15/7/2022, tại UBND phường T, quận H, thành phố H trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn với nhau, vợ ông và chồng bà B đều đã chết. Sau khi kết hôn ông về chung sống cùng bà B tại xã N, huyện Đ. Ông chung sống cùng bà B được khoảng 1 tuần, thì quay về H, từ đó ông không quay lại nữa. Sau đó ông biết bà B là người phụ nữ không đúng đắn, lừa dối ông nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà B.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là bà Trần Thị B xác nhận việc kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống. Tuy nhiên bà xác định việc ông Lê L xin ly hôn bà là do con gái của ông Lê L là chị Lê Ngọc A ép buộc. Đến nay bà chỉ nhất trí ly hôn ông L với điều kiện chị Lê Ngọc A phải trả cho bà tiền công 15 tháng chăm sóc ông L x 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/ngày, tổng cộng là 225.000.000đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng). Chị A trả cho bà đủ số tiền này thì bà mới ký bỏ ông L.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Ông L và bà B đều xác nhận không có.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Ngọc A trình bày: Việc kết hôn và ly hôn của ông L là do ông L tự nguyện, chị không can thiệp hay ép buộc gì. Việc bà B yêu cầu chị phải trả 225.000.000đ tiền công chăm sóc ông L chị không nhất trí, vì chị không hợp đồng thuê mướn gì bà B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự:

- + Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê L và bà Trần Thị B được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Ông L và bà B đều xác nhận không có nên không phải giải quyết.

- Không giải quyết việc bà Trần Thị B yêu cầu chị Lê Ngọc A phải trả 225.000.000đ tiền công giúp việc, chăm sóc trong vụ án này.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Luy, do ông L là người cao tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê L cư trú tại quận H, thành phố H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Trần Thị B cư trú tại huyện Đ, tỉnh P, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy bị đơn là ông Lê L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông L và chị A đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L, chị Ngọc A theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê L và bà Trần Thị B đăng ký kết hôn ngày 15/7/2022 tại UBND phường T, quận H, thành phố H, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện, đây là một hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn ông L về chung sống cùng bà Bình, được khoảng 1 tuần thì ông L về H, hai người sống ly thân từ đó đến nay. Ông L xác định không còn tình cảm với bà B và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Còn bà B cho rằng việc ông L

xin ly hôn bà là do con gái ông L là chị Lê Ngọc A ép buộc. Đồng thời bà B đặt ra điều kiện chỉ nhất trí ly hôn với ông L khi chị Ngọc A trả đủ cho bà 225.000.000đ tiền ngày công bà giúp việc chăm sóc cho ông L.

Xét thấy từ ngày 22/7/2022 đến nay, ông L và bà B đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình làm việc ông L xác định việc xin ly hôn bà B là do ông tự nguyện, không bị ai ép buộc. Việc bà B chỉ nhất trí ly hôn ông L với điều kiện con gái ông L phải trả cho bà 225.000.000đ tiền ngày công giúp việc chăm sóc ông L, điều đó thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà B với ông L không còn như quy định tại Luật hôn nhân và gia đình, đó là: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà B đã căng thẳng trầm trọng kéo dài, mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững không đạt được. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Ông L và bà B đều xác nhận không có nên không phải giải quyết.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết việc ly hôn, bà B yêu cầu chị Lê Ngọc A phải trả cho bà tiền ngày công giúp việc chăm sóc cho ông L là 225.000.000đ. Xét thấy yêu cầu của bà B không liên quan đến quan hệ hôn nhân của vụ án, do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết. Bà B có thể khởi kiện chị Lê Ngọc A bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê L phải nộp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho ông L.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê L và bà Trần Thị B.
2. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn toàn bộ cho ông Lê L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà B có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê L và chị Lê Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Vũ Thường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Đại**

**Nguyễn Ngọc Quang**

**Lê Vũ Thường**